

NGUYÊN TẮC XỬ LÝ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

VÕ KHÁNH VINH - ĐÀO THỊ BÍCH THỊNH*

Nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là một trong những vấn đề quan trọng của chính sách pháp luật hình sự, có ý nghĩa nhận thức, lý luận và thực tiễn rất quan trọng. Bài viết làm sáng tỏ khái niệm, bản chất, nội dung của các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được thể hiện trong Bộ luật Hình sự hiện hành của nước ta và so sánh với các chuẩn mực pháp lý quốc tế.

Từ khóa: Nguyên tắc xử lý, nội dung các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Ngày nhận bài: 12/11/2021; Biên tập xong: 23/11/2021; Duyệt đăng: 23/11/2021

Theoretical matters on principles to treat to defendants under 18 years old is one of the important issues of criminal law, which is meaningful in terms of awareness, theory and practice. The article clarifies the concept, nature and content of the handling principles for defendants under 18 years old in our current Penal Code and compares it to international legal standards.

Keywords: Theoretical matters on principles to treat, contents of principles to treat to defendants under 18 years old.

1. Khái niệm về những nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Trong lý luận, dưới dạng khái quát nhất, “nguyên tắc” trước hết là những tư tưởng chỉ đạo, những quy định có tính cơ bản, làm đầu mối cho những quy định khác. Nguyên tắc còn là hệ thống các quan điểm, tư tưởng xuyên suốt toàn bộ hoặc một giai đoạn nhất định có hiệu lực bắt buộc chỉ đạo hành động, đòi hỏi các tổ chức và cá nhân phải tuân theo. “Xử lý” là hoạt động xem xét các mặt, các khía cạnh của một vấn đề để từ đó đưa ra cách giải quyết theo mục đích, yêu cầu của hệ thống các quan điểm, tư tưởng đã định ra. Trong pháp luật hình sự, khái niệm “xử lý” gắn chủ yếu với hoạt động áp dụng pháp luật, thường được sử dụng với các thuật ngữ như “xử lý vụ án hình sự”, “xử lý bằng biện pháp khác”, “xử lý người phạm tội”.

Trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa

đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015), khái niệm “nguyên tắc xử lý” được nhắc tới tại hai điều luật nằm ở nội dung phần chung, đó là: Điều 3. Nguyên tắc xử lý và Điều 91. Nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Mặc dù không đưa ra khái niệm hay nội hàm của “nguyên tắc xử lý” là gì, nhưng những điều luật này đều thể hiện các nội dung của chính sách hình sự về quan điểm, đường lối giải quyết các hành vi phạm tội và người phạm tội.

“Nguyên tắc xử lý” trong pháp luật hình sự chính là những phương châm, những tư tưởng thể hiện quan điểm, đường lối và chính sách hình sự của Nhà nước đối với tiến trình xác định có hay không có tội phạm và hình phạt để xử lý

* Giáo sư, Tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

** Luật sư Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An

hành vi phạm tội. “Nguyên tắc xử lý” thể hiện thái độ, đánh giá của Nhà nước đối với các hành vi được xem là phạm tội; thái độ, đánh giá của Nhà nước đối với người thực hiện hành vi phạm tội; cơ quan, đầu mối nào chịu trách nhiệm thực hiện việc đánh giá này; cách thức đánh giá, giải quyết được tiến hành như thế nào; việc đánh giá, giải quyết phải đảm bảo yêu cầu gì và cuối cùng là các biện pháp xử lý được áp dụng.

Như vậy, có thể hiểu *các nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội là những quy định pháp luật cơ bản, chung nhất, mang tư tưởng, định hướng chỉ đạo, bắt buộc đối với các chủ thể nhất định phải tuân theo khi xem xét, đánh giá hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi.*

Các nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội là hệ thống logic, biện chứng các tư tưởng xuất phát, những tư tưởng chỉ đạo được quy định trong pháp luật hình sự¹. Các nguyên tắc đó có trình độ khái quát hóa và trừu tượng hóa các quy định về xử lý người dưới 18 tuổi rất cao, có tính vững chắc và ổn định, mang tính nền tảng tư tưởng, có các thuộc tính khách quan – chủ quan, có tác động thông tin, định hướng và điều chỉnh rất lớn đến ý thức và hành vi của con người², đặc biệt đối với những người áp dụng pháp luật. Các nguyên tắc xử lý độc lập với các mục đích và không xác định trước các mục đích, nhưng ở một chừng mực nhất định, các nguyên tắc đó có liên hệ với các mục đích và chỉ ra con đường đúng đắn để đạt được mục đích đó³.

¹ Võ Khánh Vinh (2021), *Áp dụng pháp luật hình sự: Những vấn đề lý luận và thực tiễn – Giáo trình sau Đại học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

² Võ Khánh Vinh (2020), *Chính sách pháp luật – Giáo trình sau Đại học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

³ Võ Khánh Vinh (2021), *Áp dụng pháp luật hình sự:*

Khái niệm “nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi” cần được hiểu trên hai phương diện, một là, phương diện lập pháp, và hai là, phương diện áp dụng pháp luật.

Ở *phương diện lập pháp*, các nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội là phương tiện để xác định những khoảng trống, chỗ hổng, các mâu thuẫn và những hạn chế trong pháp luật thực định⁴. Nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội thể hiện sự lựa chọn của Nhà nước, mục tiêu yêu cầu mà Nhà nước hướng đến trong khi xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội. Từ những quy định chung, định hướng về đường lối, yêu cầu của việc xử lý sẽ đặt ra việc sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật cụ thể, tương ứng để thực thi, những nguyên tắc này cũng chỉ rõ trong trường hợp có sự xung đột về pháp luật thì áp dụng quy phạm nào. Nguyên tắc xử lý trong pháp luật hình sự cũng sẽ xác lập, tạo tiền đề cho việc xây dựng, ban hành hệ thống quy phạm pháp luật về tổ tụng hình sự trong mối liên hệ tương ứng chặt chẽ và mang tính kế tục với pháp luật hình sự để đảm bảo thực thi những quy tắc đã được quyết định trong pháp luật hình sự.

Ở *phương diện áp dụng pháp luật hình sự*, nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội là những nguyên lý quan trọng nhất nhằm chỉ đạo, xác định, định hướng và điều chỉnh hoạt động của các cơ quan, người tiến hành tố tụng, các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình xử lý hành vi phạm tội do người dưới 18 tuổi thực hiện, là những vấn đề của thực tiễn áp dụng pháp luật và các phương thức hoàn thiện

Những vấn đề lý luận và thực tiễn – Giáo trình sau Đại học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

⁴ Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2011), *Cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

thực tiễn đó.

Với tư cách là những tư tưởng xuất phát, tư tưởng chỉ đạo tác động đến cả quá trình lập pháp và áp dụng pháp luật, các nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải đảm bảo nguyên tắc pháp chế, nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc được lập luận khoa học, nguyên tắc có tính hệ thống và nguyên tắc bảo đảm tính hiện thực (tính khả thi).

2. Nội dung của nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Nhiệm vụ cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước ta nêu ra trong Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 là: “Đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ,...”, hướng đến một chính sách pháp luật hình sự ngày càng nhân đạo hơn, đặc biệt là đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tư tưởng đó được thể hiện khái quát, rõ nét tại Điều 91 BLHS năm 2015, nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, gồm 07 nguyên tắc cụ thể, sau đây:

2.1. Nguyên tắc bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người dưới 18 tuổi phạm tội

Bản chất của nguyên tắc này thể hiện ở chỗ, việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Nguyên tắc này nội luật hóa nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định trong Công ước quốc tế về Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế khác. “Trong mọi hoạt động liên quan tới trẻ em, dù

được thực hiện bởi các cơ quan phúc lợi xã hội của Nhà nước hay tư nhân, bởi tòa án, các nhà chức trách hành chính hay cơ quan pháp luật, thì lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu”⁵. Lợi ích của người dưới 18 tuổi phải là yếu tố được xem xét hàng đầu khi quyết định xử lý họ⁶.

Trong chuẩn mực pháp lý quốc tế, nguyên tắc này đã được thừa nhận từ những năm 80 thế kỷ trước ở nhiều quốc gia. Nhưng đối với nền tư pháp Việt Nam, đây là sự thay đổi căn bản về nhận thức, thách thức nhiều tư tưởng, quan điểm truyền thống của các nhà áp dụng pháp luật. Dù nội dung nguyên tắc được trình bày ngắn gọn nhưng để thực hiện được nguyên tắc này không chỉ là sự thay đổi về nhận thức, tư tưởng của các nhà lập pháp, các nhà áp dụng pháp luật mà ngay cả hệ thống tư pháp cũng phải có sự vận động tương ứng. Để bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi đòi hỏi các cơ quan, người tiến hành tố tụng, các tổ chức, cá nhân khác khi tiến hành các hoạt động liên quan đến người dưới 18 tuổi cần bảo đảm rằng quyết định đó là tốt nhất cho họ, bảo đảm cao nhất các quyền và lợi ích của họ. Tuy nhiên, lợi ích tốt nhất đối với người dưới 18 tuổi phải được xử lý trong mối quan hệ hài hòa với các lợi ích của Nhà nước, xã hội, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác mà vẫn bảo đảm sự nghiêm minh và nhân văn, nhân đạo của pháp luật. Nguyên tắc này mang tính định hướng cao để các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cân nhắc lựa chọn khi quyết định biện pháp xử lý phù hợp đối với người dưới 18 tuổi phạm

⁵ Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc (1985), “Công ước quốc tế về Quyền trẻ em”.

⁶ Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc (1985), “Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về việc áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên”.

tội, được quyền vận dụng các nguyên tắc khác để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích của người dưới 18 tuổi trong tư pháp hình sự.

Đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, mặc dù hành vi họ thực hiện bị BLHS coi là phạm tội nhưng việc có đưa ra truy tố, xét xử hay không là vấn đề mà các cơ quan chức năng cần phải cân nhắc. Và ngay từ giai đoạn xử lý đầu tiên đó, mục tiêu giáo dục, giúp đỡ người dưới 18 tuổi phạm tội đã được đặt lên hàng đầu. Nội dung này thể hiện mục đích của việc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhưng đồng thời cũng là một cam kết về tiêu chí đo lường tính hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật này.

Xuất phát từ nguyên tắc “*bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi*”, nhiều điều luật trong cả phần chung và phần các tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện được quy định trong BLHS năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2.2. Nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải dựa trên nhân thân người phạm tội và hoàn cảnh, điều kiện gây ra việc phạm tội

Khoản 1 Điều 91 BLHS năm 2015 quy định: “*Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm*”.

Khoản 3 Điều luật đó cũng quy định: “*Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm*”.

Trước đó, năm 1985, Quy tắc 16 Quy tắc Bắc Kinh cũng đã nhấn mạnh nhân thân người chưa thành niên phạm tội và

hoàn cảnh phạm tội phải được xem xét một cách cẩn trọng nhằm đảm bảo việc xét xử đúng đắn và đảm bảo lợi ích tốt nhất của người chưa thành niên phạm tội.

Nguyên tắc xử lý người phạm tội phải dựa trên nhân thân người phạm tội và hoàn cảnh, điều kiện gây ra việc phạm tội được áp dụng cho tội phạm nói chung nhằm bảo đảm yêu cầu phân hóa trách nhiệm hình sự, trên cơ sở là tính nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và đặc điểm nhân thân người phạm tội. Nhưng đối với nhóm người dưới 18 tuổi phạm tội, các nhà làm luật đã đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu này.

Nhân thân người phạm tội là tổng thể các đặc điểm sinh học, tâm lý và xã hội của cá nhân người phạm tội. Đó là dấu hiệu về độ tuổi, giới tính, đặc điểm thể chất, hay thái độ của người đó đối với xã hội, tập thể và các giá trị mà họ theo đuổi, đó cũng là hoàn cảnh xuất thân gia đình, môi trường giáo dục, môi trường bạn bè... Người dưới 18 tuổi là những người chưa có sự phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần nên nhận thức xã hội và kinh nghiệm còn hạn chế, chưa có sự ổn định về tính cách và chưa hình thành các giá trị mang tính chuẩn mực xã hội nên dễ bị bạn bè, người xung quanh lôi kéo, kích động. Chất lượng giáo dục của gia đình, môi trường sinh sống, học tập xung quanh cũng tác động rất lớn đến suy nghĩ và hành vi của họ. Nhận thức của Nhà nước, các nhà lập pháp về vai trò của gia đình, nhà trường, xã hội trong sự phát triển và hình thành nhân cách của người dưới 18 tuổi là một quan điểm và cách nhìn nhận nhân văn, cho thấy xu hướng đánh giá người dưới 18 tuổi phạm tội không phải thuộc về bản chất con người, mà còn rất nhiều khả năng tự cải tạo và tiếp tục hoàn thiện nhân cách.

Khi giải quyết vụ án hình sự có người

dưới 18 tuổi phạm tội, việc chứng minh, đánh giá các tình tiết trên không chỉ để xác định trách nhiệm hình sự hay quyết định hình phạt mà ưu tiên hàng đầu là xem xét có hay không việc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Theo Điều 2, Điều 3 BLHS năm 2015, khi có hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện và có đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định trong BLHS thì đều phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự kịp thời, nhanh chóng, công minh. Tuy nhiên, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội còn phải phù hợp với hoàn cảnh, mức độ phạm tội và nhu cầu phát triển lành mạnh của người dưới 18 tuổi. Để tránh xung đột pháp luật, Điều 90 BLHS năm 2015 quy định: “Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này; theo quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này”. Do vậy, khi tiến hành xử lý hình sự hay xử lý trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội, các cơ quan, người tiến hành tố tụng phải ưu tiên áp dụng nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, phải dựa trên nhân thân người phạm tội và hoàn cảnh, điều kiện gây ra việc phạm tội.

2.3. Nguyên tắc mở rộng phạm vi miễn trách nhiệm hình sự và ưu tiên xử lý chuyển hướng

Khoản 2 Điều 91 BLHS năm 2015 quy định: “Người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 của Bộ luật này, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 Chương này:

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, trừ tội phạm quy định tại các điều 134, 141, 171, 248, 249, 250, 251 và 252 của Bộ luật này;

b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật này, trừ tội phạm quy định tại các điều 123, 134, 141, 142, 144, 150, 151, 168, 171, 248, 249, 250, 251 và 252 của Bộ luật này;

c) Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.”

Miễn trách nhiệm hình sự trong pháp luật hình sự là không bắt buộc một người phải chịu trách nhiệm hình sự về tội mà người đó đã phạm. Đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, các điều kiện mà BLHS quy định cho phép miễn trách nhiệm hình sự có tính chất mở rộng hơn so với người phạm tội đã thành niên, tránh cho họ phải chịu ảnh hưởng của các biện pháp cưỡng chế hình sự truyền thống. Để miễn trách nhiệm hình sự cho người dưới 18 tuổi phạm tội, BLHS chỉ đòi hỏi những điều kiện sau đây: Thứ nhất, người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 BLHS năm 2015. Thứ hai, người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ đồng ý với việc áp dụng một trong các biện pháp giám sát, giáo dục. Thứ ba, để được quyết định áp dụng biện pháp cụ thể nào, người dưới 18 tuổi phải đáp ứng thêm các điều kiện của từng biện pháp cụ thể đó.

Điều kiện để được áp dụng biện pháp “Khiển trách” (quy định tại Điều 93 BLHS năm 2015) là: a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này; b) Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không

đáng kể trong vụ án. Việc khiến trách đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải có sự chứng kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi.

Điều kiện để được áp dụng biện pháp “Hòa giải tại cộng đồng” (quy định tại Điều 94 BLHS năm 2015) là: *a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này; b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này.*

Điều kiện để được áp dụng biện pháp “Giáo dục tại xã, phường, thị trấn” (quy định tại Điều 95 BLHS năm 2015) là: *a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này; b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của Bộ luật này.*

Bên cạnh đó, theo quy định tại BLHS năm 2015, người dưới 18 tuổi phạm tội cũng có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 16 (Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội), khoản 4 Điều 17 (Đồng phạm), Điều 27 (Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự) và Điều 29 (Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự). Có thể thấy, cùng là các biện pháp miễn trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, biện pháp miễn trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 16, Điều 27, Điều 29, người được áp dụng được miễn tất cả nội dung cưỡng chế thuộc nội hàm của trách nhiệm hình sự như hình phạt, biện pháp tư pháp dùng để thay thế cho hình phạt và án tích. Trong khi đó, đối với biện pháp miễn trách nhiệm hình sự quy định riêng cho người dưới 18 tuổi

phạm tội (quy định tại khoản 3 Điều 91 và Điều 93, Điều 94, Điều 95 BLHS năm 2015) thì dù là miễn trách nhiệm hình sự nhưng người được áp dụng phải chịu biện pháp khác và có ấn định thời gian thử thách. Bản chất biện pháp giám sát, giáo dục này có mang nội dung cưỡng chế của hình phạt.

Như vậy, quy định miễn trách nhiệm hình sự chung cho tất cả đối tượng dường như phản ánh đúng tính chất khoan hồng ở mức độ cao nhất của loại hình miễn trách nhiệm hình sự hơn là các quy định miễn trách nhiệm hình sự riêng cho người dưới 18 tuổi phạm tội. Bên cạnh đó, quy định “có thể” cho miễn trách nhiệm hình sự khi người dưới 18 tuổi phạm tội đủ điều kiện là quy định tùy nghi, không bắt buộc nên tính hiệu quả trong áp dụng pháp luật không cao. Đây là những điểm hạn chế về mặt lập pháp trong nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cần được tiếp tục hoàn thiện.

2.4. Nguyên tắc áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở mức tối thiểu

Khoản 4 Điều 91 BLHS năm 2015 quy định: “*Khi xét xử, Tòa án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng quy định tại Mục 3 Chương này không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa*”.

Quy định này cần được hiểu và áp dụng như sau: Chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy các biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Tức là khi quyết định hình phạt với người dưới 18 tuổi phạm tội phải đi từ các biện pháp xử lý chuyển hướng đến hình phạt, nếu buộc phải áp dụng hình phạt thì phải đi

từ hình phạt không tước tự do đến hình phạt tước tự do. Nếu phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì người dưới 18 tuổi được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng với người đã thành niên và với thời hạn thích hợp ngắn nhất. Điều này cũng phù hợp với Công ước quốc tế về Quyền trẻ em và các chuẩn mực quốc tế khác có liên quan, đều đã thống nhất quy định hạn chế đến mức thấp nhất có thể việc áp dụng các hình phạt tước tự do đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Các biện pháp thay thế xử lý hình sự gồm có: Khiển trách; hòa giải tại cộng đồng; giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Đây là quy định nhằm mục đích sớm đưa các em ra khỏi quy trình tố tụng hình sự và áp dụng các biện pháp xử lý khác mang tính giáo dục - phòng ngừa xã hội, giúp cho các em nhận rõ được lỗi lầm, có thái độ ăn năn hối cải, khắc phục sai phạm. Việc cân nhắc không áp dụng hình phạt sẽ cho phép người dưới 18 tuổi phạm tội vẫn ở tại cộng đồng hoặc không bị áp dụng các biện pháp trừng phạt nghiêm khắc của Nhà nước nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả giáo dục, phục hồi đối với họ, do vậy rất phù hợp với chủ trương xã hội hóa công tác thi hành án của Đảng và Nhà nước ta. Thực tiễn giáo dục người chưa thành niên phạm tội ở nhiều nước trên thế giới đã cho thấy, người chưa thành niên phạm tội được sửa chữa lỗi lầm ngay trong môi trường sống của mình với sự quan tâm, giúp đỡ của gia đình, cộng đồng các đoàn thể xã hội sẽ có khả năng phục hồi tốt hơn, bền vững hơn.

Như vậy, khoản 4 Điều 91 BLHS năm 2015 có nội dung gần với nội dung quy định xử lý chuyển hướng mà các chuẩn mực quy tắc pháp lý quốc tế liên quan đến người chưa thành niên thường nhấn mạnh vì điều luật này cũng đề cập đến

thứ tự ưu tiên áp dụng các biện pháp xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội: Đầu tiên là ưu tiên áp dụng miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 Chương XII BLHS năm 2015 (Khiển trách, Hòa giải tại cộng đồng và Giáo dục tại xã, phường, thị trấn), sau đó mới đến áp dụng biện pháp Giáo dục tại trường giáo dưỡng và cuối cùng mới là áp dụng hình phạt. Dù xét về bản chất, áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng cũng là một hình thức cách ly người dưới 18 tuổi phạm tội ra khỏi môi trường sống bình thường nên không được xem là biện pháp xử lý chuyển hướng. Còn các biện pháp giám sát, giáo dục tại Mục 2 là biện pháp xử lý chuyển hướng. Tuy nhiên, đây đều là các biện pháp tư pháp riêng, chỉ áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, do vậy mục đích và vai trò của nó cũng có nét đặc thù so với các biện pháp tư pháp được quy định tại Chương VII BLHS năm 2015. Các biện pháp tư pháp áp dụng riêng cho người dưới 18 tuổi phạm tội có ý nghĩa thay thế cho hình phạt và do đó chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền áp dụng các biện pháp tư pháp này.

2.5. Nguyên tắc không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Tại khoản 5 Điều 6 Công ước quốc tế về Quyền chính trị và dân sự năm 1966 quy định: “Không được phép tuyên án tử hình với người phạm tội dưới 18 tuổi”⁷ và Điều 17.2 Quy tắc Bắc Kinh cũng nêu rõ “không được kết án tử hình với bất cứ tội gì do người chưa thành niên gây ra”⁸. Điểm a Điều 37 Công

⁷ Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc (1966), “Công ước về các quyền dân sự và chính trị”.

⁸ Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc (1985), “Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về việc áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên”.

ước về Quyền trẻ em năm 1989 còn yêu cầu cao hơn: “*Những người dưới 18 tuổi nếu gây ra những hành động phạm pháp sẽ không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc tù chung thân mà không có khả năng được phóng thích*”⁹.

Nguyên tắc này thể hiện như là điều hiển nhiên khi mục đích truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chủ yếu là nhằm giáo dục, cải tạo họ thì không thể cho phép áp dụng loại hình phạt chung thân hay tử hình. Đây là nguyên tắc xử lý, đồng thời cũng là căn cứ quyết định hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đã được Nhà nước ta kiên định duy trì từ BLHS năm 1985 đến nay, đảm bảo cao hơn mức độ yêu cầu của Công ước quốc tế về Quyền chính trị và dân sự năm 1966 và Quy tắc Bắc Kinh, đồng thời tương thích với Công ước quốc tế về Quyền trẻ em năm 1989.

2.6. Nguyên tắc hạn chế áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và không áp dụng hình phạt bổ sung

Toàn văn nguyên tắc này được quy định tại khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015, cụ thể như sau: “*Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa. Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.*”

Chuẩn mực quốc tế cũng yêu cầu hạn chế áp dụng hình phạt tước tự do cá nhân

⁹ Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc (1985), “*Công ước quốc tế về Quyền trẻ em*”.

đối với người dưới 18 tuổi phạm tội¹⁰ và điểm b Điều 37 Công ước về Quyền trẻ em năm 1989 quy định: “*Việc bắt, giam giữ hoặc bỏ tù trẻ em phải được tiến hành phù hợp với pháp luật và chỉ được coi là biện pháp cuối cùng và áp dụng trong thời hạn thích hợp ngắn nhất*”¹¹.

Với đặc trưng là tước tự do của người dưới 18 tuổi trong một thời gian nhất định, hình phạt tù cách ly các em khỏi môi trường sống bình thường để buộc các em phải học tập, lao động, sinh hoạt tập trung tại cơ sở được quản lý và có tính kỷ luật cao, khắc nghiệt. Việc áp dụng hình phạt tù đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không chỉ do các em đã thực hiện tội phạm mang tính nghiêm trọng, cần bị xử lý bằng những chế tài nghiêm khắc mà còn xuất phát từ yêu cầu bảo vệ chính các em trước những yếu tố tiêu cực tại môi trường sống, có thể cản trở quá trình phục hồi, cải tạo của các em. Trong trại giam, thông qua việc dạy văn hóa, dạy nghề, giáo dục đạo đức, lối sống, người chưa thành niên phạm tội sẽ được trang bị các kiến thức và kỹ năng cần thiết để khi quay trở về với cộng đồng, các em có thể nhanh chóng tái hòa nhập, bắt đầu một cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

Cùng với các ưu điểm nói trên, hình phạt tù có thời hạn cũng chứa đựng những hạn chế nội tại, những tác động tiêu cực khi người chưa thành niên bị cách ly khỏi người thân và môi trường sống bình thường của họ. Việc bị cách ly khỏi xã hội sẽ khiến cho các em có cảm giác mặc cảm, bị bỏ rơi. Mặc cảm lại càng nặng nề hơn vì ở độ tuổi này, con người vẫn còn

¹⁰ Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc (1985), “*Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về việc áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên*”.

¹¹ Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc (1985), “*Công ước quốc tế về Quyền trẻ em*”.

khuyh hướng lệ thuộc, cần sự bao bọc của gia đình, bạn bè. Hơn thế, thời kỳ niên thiếu là khoảng thời gian quan trọng đối với người chưa thành niên để phát triển các kỹ năng mềm trong cuộc sống. Thế nhưng, người chưa thành niên bị phạt tù lại phát triển các kỹ năng xã hội này trong một môi trường rất không tự nhiên, chỉ kết giao với những người phạm tội khác. Đây là những trở ngại rất lớn đối với quá trình phục hồi và tái hòa nhập của người chưa thành niên phạm tội. Chính vì vậy, sự hạn chế tự do cá nhân đối với người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ được đưa ra sau khi đã cân nhắc kỹ lưỡng và phải giới hạn ở mức độ tối thiểu có thể.

Tuy nhiên, khoản 6 Điều 91 này chưa thực sự hoàn chỉnh khi không quy định chi tiết cụ thể tội phạm nào thì mới bị áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhất đối với người dưới 18 tuổi là hình phạt tù. Bên cạnh đó, điều luật này cũng quy định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Đối với việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, mục đích là để cải tạo, giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và ngăn ngừa họ phạm tội mới nên không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung, hỗ trợ cho hình phạt chính.

2.7. Nguyên tắc không xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội bị kết án

Theo quy định tại Điều 53 BLHS năm 2015: *Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý. Còn tái phạm nguy hiểm là trường hợp đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội*

phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý hoặc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

Còn khoản 7 Điều 91 BLHS năm 2015 quy định: *Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.*

Theo đó, tái phạm, tái phạm nguy hiểm là tình tiết thuộc nhân thân người phạm tội. Nếu thuộc trường hợp tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm, người phạm tội chịu sự đánh giá về khả năng cải tạo giáo dục còn thấp, thường xuyên phạm tội và coi thường pháp luật. Tái phạm, tái phạm nguy hiểm là tình tiết tăng nặng định khung hoặc là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 BLHS năm 2015. Nếu bị xác định là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm, người phạm tội có thể bị áp dụng khung hình phạt có mức phạt cao hơn so với người thuộc trường hợp phạm tội bình thường.

Người chưa đủ 16 tuổi là đối tượng hoàn toàn chưa phát triển đủ về tâm, sinh lý, họ bị hạn chế về trình độ nhận thức cũng như kinh nghiệm sống, dễ bị kích động, lôi kéo nên họ dễ phạm tội. Nhưng ngược lại, họ cũng dễ được cảm hóa, giáo dục để trở thành người có ích cho xã hội. Nếu người chưa đủ 16 tuổi lại tiếp tục phạm tội thì nguyên nhân đầu tiên không phải là lỗi do các em mà chính là do cộng đồng, do các biện pháp tái hòa nhập cộng đồng của chúng ta chưa phát huy được hết hiệu quả. Các công tác chuẩn bị hòa nhập cộng đồng của trại giam, của trường giáo dưỡng, sự quan tâm, động viên, tạo điều kiện trở lại cộng đồng của gia đình, chính quyền địa phương... đã chưa phát huy được hết hiệu quả dẫn đến việc các em lại tiếp tục quay trở lại con đường phạm tội. Do vậy, không thể áp dụng tình

tiết tái phạm, tái phạm nguy hiểm để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các em. Nguyên tắc này cũng thể hiện tính khoan hồng cao hơn trong xử lý hình sự người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội so với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

3. Một số nội dung chưa tương thích giữa pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế về nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội

Có thể thấy, pháp luật hình sự nước ta đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đã có sự kế thừa, nội luật hóa những tư tưởng tiến bộ được đúc kết trong các chuẩn mực pháp lý, các Công ước quốc tế về Quyền trẻ em, Quy tắc Bắc Kinh mà Việt Nam tham gia ở những nguyên tắc xử lý cơ bản, quan trọng nhất đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như chuẩn mực về tuổi chịu trách nhiệm hình sự hay chuẩn mực về bảo đảm lợi ích tốt nhất cho người chưa thành niên phạm tội, về xử lý chuyển hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội... Tuy nhiên, xuất phát từ sự đặc thù về điều kiện kinh tế xã hội, cơ sở vật chất của Việt Nam nên vẫn còn sự chưa tương thích giữa pháp luật hình sự Việt Nam và pháp luật quốc tế về nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội.

3.1. Về chuẩn mực biện pháp tái hòa nhập tại các cơ sở giam giữ, giáo dưỡng

Theo quy tắc 13.5 Quy tắc Bắc Kinh: “Trong khi bị giam giữ, người chưa thành niên phải được bảo vệ, chăm sóc và được nhận tất cả sự giúp đỡ riêng cần thiết về mặt xã hội, giáo dục dạy nghề, tâm lý, y tế và thể chất các em có thể cần tùy theo tuổi tác, giới tính và cá tính”.

Quy tắc của Liên Hợp Quốc bảo vệ người chưa thành niên bị tước tự do cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc đề ra các chương trình đủ khả năng giải

quyết nhu cầu và giúp người chưa thành niên chiến thắng các thử thách mà họ đang đối mặt. “Việc giam giữ người chưa thành niên chỉ tiến hành với các điều kiện đã cân nhắc đầy đủ các nhu cầu cụ thể, địa vị và những yêu cầu đặc biệt theo lứa tuổi, tính cách, giới tính và thể loại phạm nhân cũng như tình trạng sức khỏe thể chất và tinh thần của họ nhằm bảo đảm bảo vệ họ tránh khỏi những ảnh hưởng có hại và các tính thể rủi ro”.

Mặc dù vậy, điều kiện cơ sở vật chất chung của Việt Nam còn nhiều hạn chế, hệ thống cơ sở hạ tầng, y tế của các điểm giam giữ, giáo dưỡng chưa đáp ứng được chuẩn mực này của quốc tế. Đặc biệt, lĩnh vực chăm sóc sức khỏe tinh thần, tâm lý của người dưới 18 tuổi tại cơ sở giam giữ, giáo dưỡng hiện đang là một khoảng trống ảnh hưởng rất lớn đến sự chuẩn bị tâm lý, sức mạnh nội tại của người dưới 18 tuổi trước khi tái hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, hiện đã có các đề án phát triển nhân viên xã hội cho mảng công việc đặc thù này và trong thời gian tới, pháp luật hình sự Việt Nam sẽ tiệm cận hơn với pháp luật quốc tế về chuẩn mực này.

3.2. Về chuẩn mực trả tự do sớm

Quy tắc Bắc Kinh quy định: “Cơ quan thích hợp phải trả tự do có điều kiện ở mức độ nhiều nhất có thể được và lệnh trả tự do phải được đưa ra trong thời gian sớm nhất có thể được”.

Pháp luật hình sự Việt Nam không có chuẩn mực đúng như tên gọi “Trả tự do sớm” nhưng nội dung điều luật được quy định tại Điều 105. Giảm mức hình phạt đã tuyên và Điều 106. Tha tù trước thời hạn có điều kiện (Chương XII – Những quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, BLHS năm 2015), có giá trị nội hàm tương đương. Theo đó, cho phép người dưới 18 tuổi phạm tội được giảm, miễn thời gian chấp hành hình phạt, tha tù trước thời

hạn có điều kiện với những điều kiện thời hạn có lợi hơn rất nhiều cho người dưới 18 tuổi so với người đã thành niên.

Tuy nhiên, pháp luật quốc tế còn yêu cầu “Người chưa thành niên được trả tự do có điều kiện từ cơ sở giam giữ phải được một cơ quan thích hợp giúp đỡ, giám sát và phải nhận sự giúp đỡ toàn diện của cộng đồng” (Quy tắc 28.2, Quy tắc Bắc Kinh). Đối với nội dung này, Việt Nam cũng có chính sách thực thi nhưng chưa triển khai được như yêu cầu, nhất là những hoạt động “giúp đỡ toàn diện của cộng đồng” mang tính hệ thống và có hiệu quả.

3.3. Về chuẩn mực bảo đảm quyền được lắng nghe

Điều 12 Công ước quốc tế về Quyền trẻ em quy định: Các ý kiến, quan điểm người chưa thành niên cần được tôn trọng. Trẻ em phải có quyền bày tỏ quan điểm, ý kiến và mối quan tâm của họ và tham gia tích cực trong suốt quá trình tư pháp.

Trong pháp luật hình sự Việt Nam, chuẩn mực bảo đảm quyền được lắng nghe của người dưới 18 tuổi phạm tội đã được thể hiện trong trường hợp ý chí của họ có ảnh hưởng đến hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp xử lý chuyển hướng, quy định tại Điều 92 BLHS năm 2015 về điều kiện áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục trong trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự “nếu người dưới 18 tuổi phạm tội hoặc người đại diện hợp pháp của họ đồng ý với việc áp dụng một trong các biện pháp này”.

Quy định này là hợp lý bởi nếu quá mở rộng quyền này thì có thể chỉ là những quy định mang tính hình thức, thiếu tính khả thi trên thực tế. Độ tuổi và sự trưởng thành trong nhận thức của những người dưới 18 tuổi ảnh hưởng đến quan điểm, nhu cầu của họ, không phải bao giờ cũng đảm bảo

rằng những ý kiến, trình bày của họ sẽ bảo đảm được lợi ích tốt nhất cho chính họ.

Như vậy, các quy định do pháp luật điều chỉnh, xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội cơ bản đều tuân thủ theo những nguyên tắc chung nhằm mục đích bảo vệ quyền của người dưới 18 tuổi và bảo đảm lợi ích tốt nhất của họ. Những nguyên tắc này cũng chỉ ra mục đích của việc giáo dục phòng ngừa đối với người dưới 18 tuổi - là nhóm đặc biệt cần quan tâm, bảo vệ. Theo đó, việc quy định các nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự Việt Nam có ý nghĩa chính trị, xã hội, đạo đức và thực tiễn rất to lớn, bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc (1985), “Quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên Hợp Quốc về việc áp dụng pháp luật đối với người chưa thành niên” (Quy tắc Bắc Kinh);
2. Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc (1985), “Công ước quốc tế về Quyền trẻ em”;
3. Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc (1985), “Quy tắc của Liên Hợp Quốc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước quyền tự do” (JDL);
4. Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc (1966), “Công ước về các quyền dân sự và chính trị”;
5. Bộ luật Hình sự năm 2015;
6. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;
7. Võ Khánh Vinh (Chủ biên) (2011), *Cơ chế bảo đảm và bảo vệ quyền con người*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
8. Võ Khánh Vinh (2020), *Chính sách pháp luật – Giáo trình sau Đại học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội;
9. Võ Khánh Vinh (2021), *Áp dụng pháp luật hình sự: Những vấn đề lý luận và thực tiễn - Giáo trình sau Đại học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2021), *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Tư pháp hình sự đối với người chưa thành niên”*.